TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI LĂNG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:10 /2018/QĐST-HNGĐ	*Hải Lăng,ngày 09 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 88/2017/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa;

Chị Nguyễn Thị H; Nơi cư trú: thôn Th, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Anh Lê Hữu V; Nơi cư trú: thôn Th, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện H, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Khóm 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Do ông Trần H, giám đốc Chi nhánh huyện H làm người đại diện theo ủy quyền(theo quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Thành viên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam).

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện H, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Khóm 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Do ông Ngô Thanh H, giám đốc Phòng giao dịch huyện H, tỉnh Quảng Trị làm người đại diện.

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th; địa chỉ: thôn Th, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hồng S, giám đốc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th.

Chị Trần Thị O; địa chỉ: thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu V thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Nguyên B; sinh ngày 21/3/2008 cho anh Lê Hữu V nuôi dưỡng và giao cháu Lê Nguyễn Uyển Nh, sinh ngày 01/01/2010 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

+ Về tài sản chung và các khoản nợ: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo đơn yêu cầu đề ngày 28/02/2018 như sau:

Về tài sản chung: Anh Lê Hữu V được toàn quyền sử dụng 481,0m^2 đất(trong đó đất ở tại nông thôn 100,0m^2 và đất trồng cây hàng năm khác 381,0m^2) tại thửa đất số 329, tờ bản đồ số 17; địa chỉ: Đội 3, thôn Th, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Phía Bắc giáp đất ông Lê Hữu Qu có chiều dài 34,6m, phía Nam giáp đất ông Lê Hữu Th và đất trồng cây hàng năm UBND xã quản lý có chiều dài 20,0m+ 14,2m, phía Đông giáp đất trồng cây hàng năm UBND xã quản lý có chiều dài 14,0m, phía Tây giáp đường giao thông có chiều dài 14,0m. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 074816, vào sổ cấp số: CH 00070 ngày 27/6/2011của UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Lê Hữu V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện H số tiền: 29.344.444 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3903- LAV – 201404328/HĐTD ngày 28/8/2014. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện H số tiền: 12.000.000 đồng theo mã món vay số 6600000702075051 ngày 26/7/2014. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Th số tiền: 2.709.500 đồng(tiền nợ sản lượng, phân bón và rác thải) và chị Trần Thị O số tiền: 932.000 đồng(nợ phân bón). Thời hạn trả nợ cuối cùng các khoản nợ đến hạn là ngày 30/4/2018.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H thuận chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ

thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006252 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền chênh lệch đã nộp là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND huyện H;
- THA dân sự huyện H;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Hoan